TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/01/2018 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 815/2017/TLST – HNGĐ ngày 20/11/2017 về "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST– HNGĐ ngày 02/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST – HNGĐ ngày 18/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị H, sinh năm 1985.
Địa chỉ: tổ A, ấp PH, xã MX, huyện TT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn Y, sinh năm A80.
Địa chỉ: K, tổ L, ấp B, xã PT, huyện LT, Đồng Nai.

Chị H có mặt, anh Y vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn, chị Trương Thị H trình bày:***

Chị và anh Trương Văn Y tự nguyện kết hôn với nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT. Trong quá trình chung sống, anh Y đã nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình, thường xuyên đánh đập và xúc phạm chị. Chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh Y không thay đổi nên chị đã về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 11/2017 đến nay. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Y.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trương Thị Hoài Tr, sinh ngày 12/01/2007; Trương Thế H1, sinh ngày 27/02/2009. Ly hôn, chị xin giao cả 02 cháu cho anh Y chăm sóc, tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2017, anh Trương Văn Y trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn với nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vẫn hạnh phúc, nhưng từ năm 2016, khi anh bị tai nạn đến nay thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân: anh bị tai nạn nên không có điều kiện chăm sóc gia đình nên vợ chồng cãi nhau. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 11/2017 tới nay. Nay, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 03 con tên Trương Thị Mỹ L (đã chết năm 2002); Trương Thị Hoài Tr, sinh ngày 12/01/2007; Trương Thế H, sinh ngày 27/02/2009. Nếu ly hôn, anh xin nuôi 02 cháu Tr, H1, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh Y được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị H.

Về con chung: Anh chị có 03 con tên Trương Thị Mỹ L (đã chết năm 2002); Trương Thị Hoài Tr, sinh ngày 12/01/2007; Trương Thế H1, sinh ngày 27/02/2009. Cháu L đã chết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ly hôn, đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu Tr, H cho anh Y nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị H tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/02 cháu nên đề nghị ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị H, anh Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trương Văn Y hiện đang cư trú tại xã PT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Chị Trương Thị H khởi kiện xin được ly hôn với anh Trương Văn Y và yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là "Tranh chấp ly hôn, con chung".

- Bị đơn anh Trương Văn Y đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dụng vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị H và anh Trương Văn Y tự nguyện kết hôn với nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân giữa chị H và anh Y là hôn nhân hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn, Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Theo chị H thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do quá trình chung sống, anh Y đã nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình, thường xuyên đánh đập và xúc phạm chị. Chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh Y không thay đổi nên chị đã về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 11/2017 đến nay.

Còn anh Y xác định vợ chồng mâu thuẫn do anh bị tai nạn, không chăm sóc được cho gia đình như trước kia nên mới phát sinh mâu thuẫn. Anh xác định vẫn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tham khảo ý kiến của bà Trương Thị Đầy là mẹ của chị Trương Thị H thì được biết: Vợ chồng chị H thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Bà đã khuyên bảo anh Y nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại mâu thuẫn.

Đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2017, anh Y cũng xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2016 cho đến nay. Đôi lần vợ chồng cãi nhau, anh có tát chị H.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Y là có thật và thường xuyên xảy ra nên chị H đã dọn về nhà mẹ đẻ sinh sống. Mặc dù anh Y cho rằng vẫn thương vợ nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ, giao thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh Y vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Việc anh Y cố tình vắng mặt chứng tỏ anh Y không còn quan tâm đến H phúc gia đình nữa.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã động viên để chị H rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Y là có thật, anh Y cũng không quan tâm đến H phúc gia đình, tình cảm của chị H đối với anh Y không còn, nếu có tiếp tục chung sống cũng không H phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, cho chị Trương Thị H được ly hôn với anh Trương Văn Y là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 03 con tên Trương Thị Mỹ L (đã chết năm 2002); Trương Thị Hoài Tr, sinh ngày 12/01/2007; Trương Thế H, sinh ngày 27/02/2009. Cháu L đã chết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ly hôn, chị H, anh Y đều có ý kiến giao cả 02 cháu Tr, H cho anh Y nuôi dưỡng. Ý kiến của chị H, anh Y cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr, H nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù anh Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/02 cháu nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị H, anh Y xin tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ- ST: Chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 203, 220; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị H được ly hôn với anh Trương Văn Y.

Về con chung: có 03 con tên Trương Thị Mỹ L (đã chết năm 2002); Trương Thị Hoài Tr, sinh ngày 12/01/2007; Trương Thế H, sinh ngày 27/02/2009.

Giao cháu Trương Thị Hoài Tr, Trương Thế H cho anh Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/02 cháu kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi vị trí người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ – ST: chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 005088 ngày 18/11/2017. Chị H còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật sân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự H. Long Thành;*
- *VKS H. Long Thành;*
- *Các đương sự;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Đình Trung